

Bản án số: 03/2026/DS-ST

Ngày 28/4/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Kiều Vũ và ông Nguyễn Sơn Thạch

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lương Thuỳ Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST- DS ngày 13/11/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-DS ngày 25-02-2026 và Thông báo mở lại phiên toà số 03/2026/TB-XX ngày 09-4-2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ trụ sở: Số B đường L, phường G, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến S - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Y; người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Việt H - Giám đốc Phòng G. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Bàn Thị L; anh Nguyễn Văn H1 – cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Lào Cai; chị Nguyễn Thị V1, địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Lào Cai; đều vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người được uỷ quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Việt H thống nhất trình bày:*

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 bà Bàn Thị L đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 đã xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến thủ tục vay vốn tại Ngân hàng (văn bản uỷ quyền

ngày 25/4/2022 tại UBND xã T). Ngày 12-5-2022, bà L đã ký Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408 với Ngân hàng để vay số tiền là: 80.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay để mua trâu giống; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên ngân hàng giải ngân là ngày 12/5/2022; lãi suất cho vay trong hạn: 10,50%/năm, lãi suất có thể điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/1 lần theo quy định của Ngân hàng cấp trên và có thông báo về việc điều chỉnh cho bên vay biết để thực hiện. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (bằng 15,75%/năm); lãi suất chậm trả bằng 10%/năm và các loại phí khác theo quy định hiện hành về thu phí trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng trong từng thời kỳ tại thời điểm phát sinh.

Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

Do đó, Ngân hàng bảo đảm tiền vay bằng tín chấp. Bà L đã nộp cho Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được kê khai ở phương án sử dụng vốn kiêm báo cáo đề xuất vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY520.558, thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, diện tích 242,4m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn do UBND huyện Y cấp ngày 01/12/2021, tên người sử dụng đất là Bà Bàn Thị L, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã Y, tỉnh Lào Cai).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408, ngày 12/5/2022 Ngân hàng đã giải ngân cho bà L đủ số tiền vay 80.000.000 đồng. Đến nay bà L chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Ngày 14/5/2025 khoản nợ của bà L đã chuyển nợ quá hạn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới trả toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 28/4/2026 là: 94.284.016 đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 80.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 356.164 đồng.

Lãi quá hạn: 13.893.699 đồng.

Lãi chậm trả: 34.153 đồng

- Buộc bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất cho vay có điều chỉnh theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng cấp trên như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408 cho đến ngày thực tế bà L, anh H1, chị V1 trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L, anh H1, chị V1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến là chưa chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tiến hành xét xử vụ án đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

+ *Về nội dung*: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117; 119; 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới trả cho Ngân hàng N đến hết ngày 28-4-2025 gồm: Nợ gốc: 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng; Lãi trong hạn: 356.164 (*ba trăm năm sáu nghìn một trăm sáu tư*) đồng; Lãi quá hạn: 13.893.699 (*mười ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín*) đồng; Lãi chậm trả: 34.153 (*ba mươi tư nghìn một trăm năm mươi ba*) đồng. Tổng cộng: 94.284.016 (*Chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi tư nghìn không trăm mười sáu*) đồng, trong đó phần của bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 mỗi người phải trả là 31.428.005 đồng.

Kể từ ngày 29-4-2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408 là 13,2%/năm cho đến khi bà L, anh H1, chị V1 trả xong nợ gốc cho Ngân hàng

Về án phí: Đề nghị bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.714.000 (*bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn*) đồng, trong đó tỷ phần của mỗi người phải nộp là 1.571.000 (*một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp việc thực hiện hợp đồng tín dụng; Bị đơn bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 cùng cư trú tại thôn N, xã T, tỉnh Lào Cai; chị Nguyễn Thị V1 cư trú tại thôn N, xã Y, tỉnh Lào Cai. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Việt H vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà L, anh H1, chị V1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 08705-LAV-202201408 ngày 12-5-2022: Hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng N, chi nhánh Y, phòng G và bà Bàn Thị L được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 385, 386 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Mặc dù anh H1, chị V1 không trực tiếp ký vào Hợp đồng tín dụng nhưng anh H1, chị V1 đã ký văn bản ủy quyền cho bà L đồng thời xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng nên anh H1, chị V1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả khoản tiền đã vay là có căn cứ.

[3] Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn giao nộp hợp đồng tín dụng, tài liệu chứng cứ thể hiện số tiền gốc đã vay, phương thức vay và số tiền nợ chưa trả. Bị đơn thực hiện việc trả lãi theo hợp đồng đã ký đến ngày 01/5/2025 và chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng nguyên đơn không có ý kiến mắc gì về nội dung và điều khoản của hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay hay ý kiến phản đối mà cố tình trốn tránh, không đến Tòa án. Do đó, dù căn cứ buộc bà L, anh H1, chị V1 phải liên đới trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là: 80.000.000 đồng.

[4] Về tiền nợ lãi: Từ ngày 01/5/2025 bà L, anh H1, chị V1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngân hàng yêu cầu ngoài việc trả tiền lãi trong hạn bà L, anh H1, chị V1 còn phải liên đới trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất điều chỉnh đã

thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải liên đới trả tiền lãi tính đến hết ngày 28-4-2026 là 14.284.016 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 356.164 đồng; lãi quá hạn: 13.893.699 đồng; lãi chậm trả: 34.153 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo 29-4-2026 bà L, anh H1, chị V1 phải liên đới chịu mức lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán được điều chỉnh định kỳ tối thiểu 03 tháng/1 lần theo quy định của Ngân hàng cấp trên như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408 cho đến ngày thực tế bà L, anh H1, chị V1 trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

[5] Đối với tài sản tín chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY520.558, thửa đất số 521, tờ bản đồ số 14, diện tích 242,4m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn do UBND huyện Y cấp ngày 01/12/2021, tên người sử dụng đất là Bà Bàn Thị L, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Y, tỉnh Lào Cai, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L, anh H1, chị V1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 94.284.016 đồng x 5% = 4.714.000 đồng, trong đó phần của mỗi người phải nộp là 1.571.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117; 118; 119; Điều 280; Điều 357; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Buộc bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới trả cho Ngân hàng N đến hết ngày 28-4-2025 gồm:

Nợ gốc: 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng.

Lãi trong hạn: 356.164 (*ba trăm năm sáu nghìn một trăm sáu tư*) đồng.

Lãi quá hạn: 13.893.699 (*mười ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín*) đồng.

Lãi chậm trả: 34.153 (*ba mươi tư nghìn một trăm năm mươi ba*) đồng.

Tổng cộng: 94.284.016 (*Chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi tư nghìn không trăm mười sáu*) đồng, trong đó phần của bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 mỗi người phải trả là 31.428.005 đồng.

Kể từ ngày 29-4-2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202201408 được điều chỉnh là 13,2%/năm cho đến khi bà L, anh H1, chị V1 trả xong nợ gốc cho Ngân hàng.

## 2. Về án phí:

Bà Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị V1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.714.000 (*bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn*) đồng, trong đó phần của mỗi người phải nộp là 1.571.000 (*một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.124.000 đồng (*hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001895 ngày 12-11-2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSNDKV2 – Lào Cai;
- PhòngTHADSKV2 – Lào Cai;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

- Lưu HS.

*(Đã ký)*

**Hà Thị Thu Hương**